

Bản án số: 05/2021/HS-ST

Ngày: 22-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Quang Kim Cúc - Nghề nghiệp: Nguyên là giáo viên, nguyên Phó Phòng GD-ĐT huyện Lai Vung, hiện đã về hưu.

Ông Nguyễn D Oanh - Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Vinh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 66/2020/TLST-HS, ngày 30 tháng 11 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXXST-HS, ngày 03 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 267/2020/HSST-QĐ, ngày 31 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Văn K, sinh ngày: 26/8/2002, tại Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp L H 1, xã L H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh P và bà Dương Thị Hồng G; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại tại: ấp L H 1, xã L H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Văn K:

Trần Thanh P - sinh năm: 1972 (cha ruột) (có mặt);

Dương Thị Hồng G - sinh năm: 1981 (mẹ ruột) (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp L H 1, xã L H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị hại:

Nguyễn Thị Thu T - sinh ngày 09/3/2004 (có mặt); nơi cư trú: 161A/3, ấp L H 1, xã L H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị Thu T:

Nguyễn Văn V - sinh năm: 1980 (cha ruột) (vắng mặt);

Phan Thị T - sinh năm: 1980 (mẹ ruột) (có mặt)

Cùng nơi cư trú: 161A/3, ấp L H 1, xã L H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Phạm Thanh D - sinh ngày 07/6/2006 (vắng mặt); nơi cư trú: 41 TDC K 2, thị trấn L V, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thanh D:*

Phạm Văn H - sinh năm: 1978 (cha ruột) (vắng mặt);

Thạch Thị Kim H - sinh năm: 1987 (mẹ ruột) (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: 41 TDC K 2, thị trấn L V, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Hoàng A - sinh năm: 2002 (có mặt); nơi cư trú: 161A/3, ấp L H 1, xã L H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

2. Phạm Ngọc C - sinh năm: 1981 (vắng mặt); nơi cư trú: 162, ấp L K, xã L H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào 21 giờ, ngày 24/7/2020, Trần Văn K đến nhà của Phạm Thanh D, thuộc k 3, thị trấn L V, huyện Lai Vung chơi, sau đó thì K rủ D đi mua xe ở ấp L H 1, xã L H, huyện Lai Vung thì D đồng ý. Lúc này cha của D là Phạm Văn H say rượu và ngủ trong phòng nên D lấy xe mô tô của ông Hải chở K đi, khi cả hai đến cầu L H thì K mới nói với D là đi lấy trộm xe, lúc này D không nói gì mà tiếp tục chở K đến nhà của chị Nguyễn Thị Thu T ở số 161A/3, ấp L H 1, xã L H, huyện Lai Vung theo chỉ dẫn của K, khi còn cách nhà của chị T khoảng 50m thì K kêu D đứng đợi, còn K đi bộ vào nhà của chị T lén lút lấy trộm xe gắn máy biển số 66FL-1665 rồi dẫn xe đi ra ngoài đường và dùng tay bứt dây điện của xe để khởi động cho xe chạy, sau đó K chạy xe vừa lấy trộm được, còn D chạy xe của cha D cùng về nhà D. Trên đường về đến cầu Đình thuộc k 3, thị trấn L V thì K tháo biển số xe 66FL-1665 ném xuống sông và tiếp tục chạy xe về nhà của D. Tại nhà D, K lấy biển số 99H1-5949 mà K nhặt được trước đó gắn vào xe đã lấy trộm, K tiếp tục tháo bửng xe, ba ga xe, ốp nắp nồi xe, móc treo đồ trên xe và chân đạp máy với mục đích để cho T có gặp lại xe cũng không nhận ra, sau đó D và K đi ngủ.

Đến khoảng 07 giờ ngày 25/7/2020, K bắt xe đi thành phố Hồ Chí Minh thăm bạn gái của K là Nguyễn Thị Bích Tuyền và để xe lấy trộm được ở nhà D. D ở nhà lấy xe của K trộm được của chị Nguyễn Thị Thu T điều khiển đi trong khu vực thị trấn Lai Vung thì bị bà Phan Thị Thủy (mẹ của Thảo) phát hiện và trình báo với cơ quan Công an.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lai Vung đã thu giữ vật chứng gồm: 01 chiếc xe gắn máy, loại xe Wave 110, hiệu Fashion, số loại C50, màu sơn đỏ, dung tích 49 cm³, số máy FMB-0004037, số khung 044TL-0044037; 01 ốp nắp nồi xe; 01 chân đạp máy; 01 móc treo đồ trên xe; 01 bộ bửng xe màu đỏ; 01 ba ga xe.

Tại kết luận định giá tài sản số 37/KL-ĐGTS ngày 14/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lai Vung kết luận: xe gắn máy, loại xe Wave 110, hiệu Fashion, số loại C50, màu sơn đỏ, dung tích 49 cm³, số máy FMB-0004037, số khung 044TL-0044037 có giá trị là 4.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 60/CT-VKSLVg, ngày 27/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, đã truy tố Trần Văn K ra trước Toà án nhân dân huyện Lai Vung, để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trần Văn K đã khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị hại Nguyễn Thị Thu T trình bày: Ngày 24/7/2020 chị có mất 01 xe gắn máy biển số 66FL-1665, hiện tại chị đã nhận lại xe, đã nhận 750.000 đồng tiền sửa lại xe bồi thường từ bị cáo, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, ngoài ra không trình bày gì thêm.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị Thu T là chị Phan Thị T trình bày: Chị là mẹ ruột của T, việc T có mất xe đúng như nội dung cáo trạng. Hiện tại T đã nhận lại xe và tiền bồi thường, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không trình bày gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Khẳng định việc truy tố đúng như cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật Trần Văn K đã có hành vi lợi dụng đêm tối, xe gắn máy biển số 66FL-1665 của chị Nguyễn Thị Thu T đậu ở trước nhà không có người trông coi, nên K đã trực tiếp lén lút lấy trộm xe của chị T trị giá 4.500.000 đồng đem về tháo gỡ biển số và các bộ phận khác của xe để bị hại không nhận ra xe đã bị mất rồi cất giấu tại nhà của Phạm Thanh D nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của chị T. Bên cạnh đó K còn xúi giục D là người dưới 18 tuổi thực hiện hành vi trộm xe cùng với K, do đó hành vi của bị cáo Trần Văn K đã có đầy đủ các yếu tố phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; khi thực hiện hành vi bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo có tình tiết tăng nặng là xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 và Điều 101 của Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Văn K từ 03 tháng đến 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

Đối với Phạm Thanh D có vai trò đồng phạm giúp sức cho Trần Văn K lấy trộm xe của chị Nguyễn Thị Thu T, nhưng tại thời điểm thực hiện hành vi trộm xe thì D mới 14 tuổi 01 tháng 17 ngày, nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 của Bộ luật hình sự, Cơ quan điều tra đang xem xét áp dụng biện pháp xử lý D theo quy định của pháp luật.

Đối với biển số xe 99H1-5949, K dùng gắn vào xe trộm được của chị Nguyễn Thị Thu T, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ để xử lý sau.

Bị cáo Trần Văn K thống nhất với Bản cáo trạng và Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, bị cáo không tranh luận gì. Bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên của huyện Lai Vung trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Bị cáo Trần Văn K có hành vi lén lút, lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại, đã lén lút vào nhà bị hại lấy trộm xe gắn máy biển số 66FL-1665 có trị 4.500.000 đồng, đem về tháo gỡ biển số và các bộ phận khác của xe để bị hại không nhận ra xe đã bị mất rồi cất giấu tại nhà của Phạm Thanh D nhằm mục đích chiếm đoạt để sử dụng cá nhân, ngoài ra bị cáo còn xúi giục D là người dưới 18 tuổi thực hiện hành vi trộm xe cùng với bị cáo là phù hợp hiện trường vụ án; lời nhận tội của bị cáo Trần Văn K phù hợp với lời khai bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó lời nhận tội của bị cáo là có căn cứ. Bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật. Nên hành vi của bị cáo Trần Văn K có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” phạm vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....”.

[3] Về tính chất, mức độ tội phạm: Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn K là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương, xâm phạm tài sản của người khác một cách trái phép, tài sản của công dân là khách thể được luật hình sự bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm đến, thế nhưng vì ý thức xem thường pháp luật và không tôn trọng tài sản của người khác mà bị cáo phạm tội, vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử công khai như ngày hôm nay là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, đã gây hoang mang cho quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, gây bất bình trong dư luận, vì tài sản sơ hở sẽ bị chiếm đoạt bất cứ lúc nào. Vì vậy cần phải có một mức

hình phạt tương xứng đối với bị cáo nhằm mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Đối với Phạm Thanh D có vai trò đồng phạm giúp sức cho Trần Văn K lấy trộm xe của chị Nguyễn Thị Thu T, nhưng tại thời điểm thực hiện hành vi trộm xe thì D mới 14 tuổi 01 tháng 17 ngày, nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 của Bộ luật hình sự, Cơ quan điều tra đang xem xét áp dụng biện pháp xử lý D theo quy định của pháp luật.

Đối với biển số xe 99 H1-5949, K dùng gắn vào xe trộm của chị Nguyễn Thị Thu T, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ để xử lý sau.

[5] Đối với người đại diện hợp pháp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, nhưng qua các lời khai có trong hồ sơ đều phù hợp và đúng như nội dung vụ án.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Trần Văn K đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 nên áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên nên cần áp dụng Điều 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự để đảm bảo đường lối xử lý người chưa thành niên đúng với quy định pháp luật hình sự.

[7] Kiểm sát viên đề nghị giải quyết nội dung vụ án này là đúng quy định pháp luật, Hội đồng xét xử đồng ý quan điểm của Kiểm sát viên.

[8] Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ: Đã giải quyết xong, nên không xem xét.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Thu T đã nhận lại tài sản và tiền bồi thường xong, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên không xem xét.

[10] Về án phí: Tại thời điểm xét xử bị cáo K đã thành niên, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[11] Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn K 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn K phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 22/01/2021; đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính 15 ngày từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND tỉnh ĐT;
- VKSND H.Lai Vung;
- CCTHA-DS H.Lai Vung;
- Cơ quan điều tra H. Lai Vung;
- Cơ quan THAHS H. Lai Vung;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu HS, AV (Vinh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Văn Út

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 11 giờ 00 phút ngày 22 tháng 01 năm 2021.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Quang Kim Cúc - Nghề nghiệp: Nguyên là giáo viên, nguyên Phó Phòng GD-ĐT huyện Lai Vung, hiện đã về hưu.

Ông Nguyễn D Oanh - Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2020/TLST-HS, ngày 30 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Văn K, sinh ngày: 26/8/2002, tại Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp L H 1, xã L H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ T LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn K 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3 thống nhất 100%.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn K phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3 thống nhất 100%.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 22/01/2021; đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính 15 ngày từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3 thống nhất 100%.

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 15 phút, ngày 22 tháng 01 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Út

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND tỉnh ĐT;
- VKSND H.Lai Vung;
- CCTHA-DS H.Lai Vung;
- Cơ quan điều tra H. Lai Vung;
- Cơ quan THAHS H. Lai Vung;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu HS, AV (Vinh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Út